

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Cục Viễn thông trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông, đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Viễn thông là cơ quan trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý nhà nước và tổ chức thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về viễn thông trên phạm vi cả nước.

2. Cục Viễn thông có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Viễn thông thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc đề Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông trình cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch về viễn thông, quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch kho số viễn thông theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông.

2. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch về viễn thông, quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch kho số viễn thông sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

3. Tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành về viễn thông, quy hoạch tần số, tài nguyên Internet, chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

4. Trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh đối với cơ sở hạ tầng viễn thông; các biện pháp huy động phương tiện, thiết bị, mạng và dịch vụ viễn thông phục vụ các trường hợp khẩn cấp về an ninh quốc gia, thiên tai dịch họa theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển; Chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi hoặc xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi các giấy phép viễn thông sau đây:

- a) Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông;
- c) Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông;
- d) Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

6. Quản lý kho số viễn thông. Phân bổ, cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi mã, số viễn thông theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

7. Cấp giấy phép nhập khẩu, Giấy phép tạm nhập tái xuất thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện, quản lý việc đăng ký sản xuất thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện; cấp và thu hồi giấy chứng nhận hợp quy và quản lý, kiểm tra, giám sát việc công bố hợp quy, sử dụng dấu hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông; quản lý, kiểm tra, giám sát việc công bố hợp quy đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, kết nối mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông; tổ chức thực hiện việc kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống đo kiểm chuyên ngành viễn thông phục vụ công tác quản lý viễn thông.

9. Chủ trì, phối hợp theo dõi, giám sát, chỉ đạo triển khai giấy phép viễn thông; thực hiện quản lý, giám sát việc triển khai giá cước, khuyến mại, kết nối, chất lượng mạng, dịch vụ viễn thông; chia sẻ và sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông; sử